TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HOÀI NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 208/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 6 - 2020
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀI NHƠN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Phước

2. Bà Ngô Thị Thúy Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định *tham gia phiên tòa:* Ông Trương Văn Đình – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2020 tại Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 296/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2019 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2020/QĐXX-ST ngày 12 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng M, sinh năm 1997 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố T2, phường H, thị xã H, tỉnh B.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn S, sinh năm 1989 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố B, phường H, thị xã H, tỉnh B.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Vợ chồng ông Nguyễn Hồng C, sinh năm 1976 (Vắng mặt)
  bà Trần Thị Ph, sinh năm 1978 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố T2, phường H, thị xã H, tỉnh B.

- Cháu Trần Nhã P, sinh ngày 14/11/2017.

Người đại diện theo pháp luật của cháu P là chị Nguyễn Thị Hồng M, sinh năm 1997, địa chỉ: Khu phố T2, phường H, thị xã H, tỉnh B là mẹ ruột của cháu P.

(Chị M, anh S, ông C bà Ph có yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng M trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh S kết hôn ngày 21 tháng 01 năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống chung nhưng không hợp nhau. Anh S không chăm lo cho vợ con, có thái độ hỗn với cha mẹ vợ. Vợ chồng đã ly thân không còn chung sống với nhau nữa. Nay chị M yêu cầu ly hôn anh S.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Nhã P, sinh ngày 14/11/2017, khi ly hôn chị M yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh S cấp dưỡng cho con.

Về tài sản: Vợ chồng có thửa đất số 1674 tờ bản đồ số 15 tại khu phố T2, phường H, thị xã H, tỉnh B đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 06/9/2017. Đất có nguồn gốc cha mẹ của chị M cho hai vợ chồng. Chị M yêu cầu giao thửa đất này cho cháu Trần Nhã P và chị M sẽ đại diện cho cháu P cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị M tự nguyện chịu án phí, chi phí định giá tài sản theo qui định.

+ Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 05/02/2020, bị đơn anh Trần Văn S trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị M kết hôn ngày 21 tháng 01 năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H. Sau khi kết hôn hai vợ chồng có vài mâu thuẫn nhỏ, anh không ở chung với chị M nữa và ly thân từ tháng 4/2019. Vợ chồng không còn chung sống với nhau được nữa nên chị M yêu cầu ly hôn thì anh S đồng ý.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Nhã P, sinh ngày 14/11/2017 hiện đang ở với chị M. Khi ly hôn, anh S chấp nhận giao cháu P cho chị M nuôi dưỡng và anh S không đồng ý cấp dưỡng cho con.

Về tài sản: Vợ chồng có một thửa đất do cha mẹ của chị M cho hai vợ chồng là đúng. Anh S chấp nhận giao thửa đất cho chị M, mục đích là để cho con.

+ Tại Bản tự khai ngày 21/02/2020, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hồng C bà Trần Thị Ph trình bày: Ông bà đã cho chị M anh S một lô đất bên cạnh nhà của ông bà và anh S chị M đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên đất có tài sản của ông bà gồm một số cây trái, hoa màu

ngắn ngày và một phần nhà kho đã hư hỏng không còn giá trị sử dụng. Ông bà không có tranh chấp hay ý kiến gì đối với các tài sản này và thống nhất cho số cây có trên đất cho cháu P.

+ Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo qui định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị M và anh S; giao con chung tên Trần Nhã P, sinh ngày 14/11/2017 cho chị M nuôi dưỡng; anh S không cấp dưỡng nuôi con; thửa đất số 1674 tờ bản đồ số 15 tại thôn T2, xã H, thị xã H, tỉnh B và một số cây ăn trái có trên đất để lại cho cháu P, chị M đại diện cho cháu quản lý tài sản này cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị M tự nguyện chịu án phí hôn nhân, án phí chia tài sản chung và chi phí định giá. Kiến nghị Tòa án khắc phục vi phạm vì để vụ án quá thời hạn chuẩn bị xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn chị M, bị đơn anh S, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vợ chồng ông C bà Ph đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, theo qui định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về hôn nhân: Chị M và anh S đã ly thân từ tháng 4/2019, vợ chồng không còn sống chung với nhau, không còn quan tâm đến nhau và cũng không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị M yêu cầu ly hôn, anh S cũng đồng ý. Có thể thấy, hôn nhân giữa chị M và anh S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại trên thực tế, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho chị M ly hôn anh S là phù hợp với thực tế và đúng qui định của pháp luật.

[3] Về nuôi con: Cháu Trần Nhã P hiện đang do chị M nuôi dưỡng, cháu chưa đủ 36 tháng tuổi và anh S cũng đồng ý giao con cho chị M nuôi. Vì vậy, giao cháu Trần Nhã P, sinh ngày 14/11/2017 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Chị M tự nguyện không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng cho con nên được ghi nhận.

[5] Về tài sản: Anh Trần Văn S và chị Nguyễn Thị Hồng M có tài sản là thửa đất số 1674 tờ bản đồ số 15 diện tích 360,7m^2 tại khu phố T2, phường H, thị xã H, tỉnh B đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CS01671 ngày 06/9/2017. Khi ly hôn, chị M yêu cầu để lại tài sản cho cháu P, chị sẽ đại diện cho cháu P cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và anh S cũng chấp nhận giao quyền sử dụng đất cho chị M mục đích để

cho con. Như vậy, chị M và anh S đều thống nhất giao thửa đất số 1674 tờ bản đồ số 15 cho cháu Trần Nhã P. Sự thống nhất này của chị M và anh S là tự nguyện, không trái pháp luật nên được ghi nhận. Trên thửa đất có một phần nhà kho đã hết giá trị sử dụng, các bên không có tranh chấp gì nên không xem xét. Đối với một số cây cối của ông C bà Ph có trên đất, ông bà không có tranh chấp gì và thống nhất cho cháu P nên giao cho cháu P sở hữu. Chị M là người đại diện theo pháp luật cho cháu P để quản lý tài sản cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

[6] Về án phí sơ thẩm: Theo qui định tại khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án thì chị M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Chị M tự nguyện chịu án phí chia tài sản nên được ghi nhận. Tổng giá trị đất và tài sản có trên đất theo Biên bản định giá ngày 20/02/2020 là 41.377.700 đồng nên chị M phải chịu án phí là 2.068.900 đồng.

[7] Về chi phí định giá tài sản: Chị M tự nguyện chịu 2.000.000 đồng, chị M đã nộp xong.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 56, 59, 62, 81, 82, 83, 84, 110, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Hồng M. Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hồng M và anh Trần Văn S.

2. Về nuôi con:

2.1. Giao cháu Trần Nhã P, sinh ngày 14/11/2017 cho chị Nguyễn Thị Hồng M trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Về cấp dưỡng cho con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Hồng M không yêu cầu anh Trần Văn S cấp dưỡng cho con.

2.3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản: Giao cho cháu Trần Nhã P sinh ngày 14/11/2017, được quyền sử dụng thửa đất số 1674 tờ bản đồ số 15 diện tích 360,7m^2 tại khu phố T2,

phường H, thị xã H, tỉnh B theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CS01671 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 06/9/2017. Cháu P được sở hữu tài sản có trên đất gồm: 03 cây dừa xiêm, 01 cây bưởi chưa có trái, 02 cây ổi chưa có trái, 01 cây chanh chưa có trái. Chị Nguyễn Thị Hồng M là người đại diện theo pháp luật, quản lý tài sản của cháu P cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Hồng M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm là 2.068.900 đồng (Hai triệu không trăm sáu mươi tám nghìn chín trăm đồng). Chị M đã nộp tạm ứng án phí với số tiền là 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) theo các Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005413 và số 0005414 ngày 02 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định nên được khấu trừ, chị M còn phải chịu 1.768.900 đồng (Một triệu bảy trăm sáu mươi tám nghìn chín trăm đồng)

5. Chi phí định giá tài sản: Chị M tự nguyện chịu 2.000.000 đồng, chị M đã nộp xong.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thị xã Hoài Nhơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hồng Hoàng